

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Rực

Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hoàng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST - DS ngày 12 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Hồng T; Sinh năm 1994; Địa chỉ: A H, khóm F, phường S, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trà Mô N; Sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp T, xã T, Thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C1; Địa chỉ: A Phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc K, sinh năm: 1986; chức vụ: Giám đốc phòng C1; Địa chỉ: Ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025 nguyên đơn bà Thạch Thị Hồng T trình bày:

Bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cần Thơ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 70, ngày 01/7/2014. Sau khi kết hôn bà T và ông N chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông N đã ly thân từ tháng 06 năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà T và ông N có hai (02) người con chung là cháu Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021. Về tài sản chung bà T và ông N không có. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị Hồng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trà Mô N. Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai người con chung đến khi thành niên và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Thống nhất yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1 với số tiền nợ theo đơn gốc là 30.000.000 đồng. Bà và ông Mô N có thỏa thuận mỗi người sẽ trả cho Ngân hàng chính sách 50% tiền lãi chưa trả và sẽ trả lãi phát sinh trên số nợ gốc 15.000.000 đồng, theo như nội dung Đơn yêu cầu độc lập. Đối với án phí ly hôn, bà T đồng ý chịu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trà Mô N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, địa điểm đăng ký kết hôn. Ông và bà Thạch Thị Hồng T có có hai (02) người con chung là cháu Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và bà Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021. Về tài sản chung ông và bà T không có tạo lập được. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Hồng T, ông đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông và bà T có hai người con chung tên Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021, hiện bà T đang chăm sóc nuôi dưỡng, ông yêu cầu được nuôi một trong hai cháu khi ly hôn, và bà T nuôi 01 (một) người con thì ông không cấp dưỡng, ông không cấp dưỡng đối với người con bà T nuôi, do hiện nay điều kiện kinh tế của ông khó khăn, bản thân đang bệnh. Nếu Tòa án giao con cho ông được nuôi dưỡng, thì ông sẽ giao con cho mẹ của ông để phụ chăm sóc.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Ông và bà T có thỏa thuận chia đôi nợ gốc, theo đó mỗi người sẽ trả cho Ngân hàng chính sách 50% tiền lãi chưa trả và sẽ trả lãi phát sinh trên số nợ gốc 15.000.000 đồng, theo như nội dung Đơn yêu cầu độc lập.

Tại phiên tòa, cũng như theo Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1, Ngân hàng C1 trình bày: “ Ông Trà Mô N là chủ hộ với 04 thành viên trong gia đình cư trú tại Ấp T, xã T,

huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) là đối tượng hộ nghèo được cho vay theo chính sách ở địa phương. Do đó vào ngày 13/5/2022 được giải ngân số vốn vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 13/5/2026 với lãi suất 6,6%/ năm được xác định mã khách hàng 7115569248, được phân kỳ trả nợ 12 tháng, trả 7.500.000 đồng/ lần. Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay nợ gốc vẫn còn là 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 2.202.414 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng Trà Mô N, bà Thạch Thị Hồng T cùng liên đới có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi chưa trả đến ngày 10/7/2025: 2.202.414 đồng và nợ gốc 30.000.000 đồng. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, Ngân hàng C2 đồng ý chia đôi số tiền vay gốc cho mỗi người phải trả. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc: Bà Thạch Thị Hồng T có nghĩa vụ trả 50% tiền lãi chưa trả (tương đương số tiền 1.101.207 đồng) và phát sinh của số tiền gốc là 15.000.000 đồng theo mã khách hàng 7115569248 ngày (13/5/2022) kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc của số tiền 15.000.000 đồng. Đồng thời buộc thanh toán số tiền gốc được xác định trong mã món vay trên vào ngày 13/5/2026. Buộc ông Trà Mô N có nghĩa vụ trả 50% tiền lãi chưa trả (tương đương số tiền 1.101.207) và phát sinh của số tiền gốc là 15.000.000 đồng theo mã khách hàng 7115569248 ngày (13/5/2022) kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán dứt nợ gốc của số tiền 15.000.000 đồng. Đồng thời buộc thanh toán số tiền gốc được xác định trong mã món vay trên vào ngày 13/5/2026”

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N. Giao con chung là cháu Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021 cho bà Thạch Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không đặt ra xem xét cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1 về việc chia đôi nợ chung và buộc trả số tiền nợ lãi đến hạn. Nợ chung được phân chia như sau: Buộc bà Thạch Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi đến hạn thanh toán tính đến ngày 23/9/2025 là 1.101.207 đồng; kể từ ngày 24/9/2025 bà Thạch Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo mã số khách hàng là 7115569248 tại Ngân hàng chính sách xã hội trên số nợ gốc 15.000.000 đồng. Buộc ông Trà Mô N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi đến hạn thanh toán tính đến ngày 23/9/2025 là 1.101.207 đồng; kể từ ngày 24/9/2025 bà Thạch Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo mã số khách

hàng là 7115569248 tại Ngân hàng chính sách xã hội trên số nợ gốc 15.000.000 đồng. đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng C1 khởi kiện yêu cầu ông Trà Mô N và bà Thạch Thị Hồng T cùng liên đới có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi chưa trả đến ngày 23/9/2025 với số tiền 2.202.414 đồng và nợ gốc 30.000.000 đồng. Do đó quan hệ tranh chấp được xác định là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia nợ chung*”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2014, bà T và ông N sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Cần Thơ). Xét thấy, việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tại các phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và ông N cũng đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ theo quy định tại 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N có hai (02) người con chung là cháu Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung. Ông N yêu cầu Tòa án giao một người con chung cho ông trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay, cháu Xuân T1 và cháu Thúy N1 đều do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông Trà Mô N cũng trình bày bản thân ông hiện nay đang bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nếu được Tòa án giao việc nuôi con, ông sẽ giao con cho mẹ ông phụ chăm sóc. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển, ổn định của cháu và cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu T1, HĐXX quyết định giao cháu Xuân T1 và cháu Thúy N1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà Thạch Thị Hồng T không yêu cầu ông Trà Mô N cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N vay Ngân hàng chính sách khoản vay: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, chương trình xây dựng chuồng trại, mua heo giống thức ăn. Khoản vay chưa đến hạn trả nợ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông N và bà T chưa thực hiện việc trả lãi số tiền đến ngày 23/9/2025 với số tiền 2.202.414 (Hai triệu, hai trăm lẻ ngàn, bốn trăm mười bốn) đồng. Ngân hàng chính sách yêu cầu bà T và ông N liên đới trả

lãi và đề nghị phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục khoản vay. Tại phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được về việc phân chia toàn bộ nghĩa vụ về tài sản chung và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Bản án, quyết định. Cụ thể: Bà T và ông N đều nhất trí nếu ly hôn thì mỗi người tiếp tục nhận quyền và nghĩa vụ với $\frac{1}{2}$ từng khoản vay và đồng ý trả lãi phát sinh đến ngày 23/9/2025 cho Ngân hàng. Do đó phân chia quyền và nghĩa vụ tiếp tục khoản vay theo ý kiến của các đương sự. Cụ thể:

Bà Thạch Thị Hồng T: Có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi đến ngày 23/9/2025 với số tiền 1.101.207 đồng. Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng chính sách là 15.000.000 đồng vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo kể từ ngày 24/9/2025.

Ông Trà Mô N: Có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi đến ngày 23/9/2025 với số tiền 1.101.207 đồng. Tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay Ngân hàng chính sách là 15.000.000 đồng vay gốc và tiền lãi phát sinh kèm theo kể từ ngày 24/9/2025.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 2 Điều 11, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Thạch Thị Hồng T chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Trà Mô N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N mỗi người phải chịu án phí về nợ chung và phân chia nghĩa vụ nợ chung là 300.000 (Một trăm ngàn) đồng. Ngân hàng C1 không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 6 Điều 26; điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N.

2/ Về con chung: Giao hai cháu Trà Xuân T1, sinh ngày 05/10/2014 và cháu Trà Thúy N1, sinh ngày 06/4/2021 cho bà Thạch Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Trà Mô N không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trà Mô N mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị Hồng T và ông Trà Mô N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C1 về phân chia nghĩa vụ tài sản chung:

Buộc bà Thạch Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền lãi đến ngày 23/9/2025 là 1.101.207 (Một triệu, một trăm lẻ một ngàn, hai trăm lẻ bảy) đồng. Kể từ ngày 24/9/2025 bà Thạch Thị Hồng T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo mã số khách hàng là 7115569248 tại Ngân hàng chính sách xã hội trên số nợ gốc 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Buộc ông Trà Mô N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền lãi đến ngày 23/9/2025 là 1.101.207 (Một triệu, một trăm lẻ một ngàn, hai trăm lẻ bảy) đồng. Kể từ ngày 24/9/2025 ông Trà Mô N có quyền, nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng theo mã số khách hàng là 7115569248 tại Ngân hàng chính sách xã hội trên số nợ gốc 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thạch Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009290 ngày 26/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ). Bà T còn phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Ông Trà Mô N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Ngân hàng C1 không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Triều Vũ Hà